

Số: 246/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 28 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh xét học bạ trực tuyến trúng tuyển đại học
hệ chính quy Trường Đại học Vinh đợt 1 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 42/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Văn phòng Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hợp nhất Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 2072/QĐ-ĐHV, ngày 20/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Kết luận của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ngày 24 tháng 8 năm 2020;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 209 thí sinh xét học bạ trực tuyến trúng tuyển vào đại học hệ chính quy Trường Đại học Vinh đợt 1 năm 2020 theo các mã ngành đã đăng ký (có danh sách kèm theo), trong đó:

TT	Mã ngành	Tên ngành đăng ký	Số lượng
1.	7320101	Báo chí	5
2.	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2
3.	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	1
4.	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	1
5.	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	9
6.	7420201	Công nghệ sinh học	1
7.	7480201	Công nghệ thông tin	20
8.	7540101	Công nghệ thực phẩm	4
9.	7760101	Công tác xã hội	2
10.	7720301	Điều dưỡng	8
11.	7810101	Du lịch	9
12.	7340301	Kế toán	37

13.	7480101	Khoa học máy tính	1
14.	7310101	Kinh tế	5
15.	7620115	Kinh tế nông nghiệp	1
16.	7580301	Kinh tế xây dựng	1
17.	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2
18.	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	5
19.	7480103	Kỹ thuật phần mềm	4
20.	7580201	Kỹ thuật xây dựng	1
21.	7380101	Luật	9
22.	7380107	Luật kinh tế	8
23.	7220201	Ngôn Ngữ Anh (Điểm TB môn Tiếng Anh ≥ 6.50)	22
24.	7620301	Nuôi trồng thủy sản	4
25.	7140114	Quản lý giáo dục	8
26.	7310205	Quản lý nhà nước	2
27.	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	1
28.	7229042	Quản lý văn hóa	1
29.	7340101	Quản trị kinh doanh	24
30.	7340201	Tài chính - Ngân hàng	6
31.	7340122	Thương mại điện tử	2
32.	7310630	Việt Nam học	3
Cộng:			209

Điều 2. Các đơn vị: Đào tạo, CTCT-HSSV, Kế hoạch - Tài chính; các khoa, viện và các đơn vị liên quan có trách nhiệm đón tiếp, làm thủ tục nhập học cho thí sinh đã trúng tuyển.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo, CTCT-HSSV, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; các khoa, viện; các đơn vị liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: HCTH, ĐT.



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN HỌC BẠ TRỰC TUYẾN TRÚNG TUYỂN ĐỢT 1 NĂM 2020**(Đối tượng tốt nghiệp THPT từ 2019 trở về trước)***(Kèm theo Quyết định số 2216 /QĐ-ĐHV của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh, ngày 28 tháng 8 năm 2020)*

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Năm TN	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm XT	ĐTB	TB TA
1	Đào Minh Quang	Nam	16/12/2000	2018	7320101	Báo chí	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	109.00	7.27	
2	NGUYỄN THỊ DUNG	Nữ	01/01/2000	2018	7320101	Báo chí	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	102.00	6.80	
3	Lô Thanh Tân	Nam	25/12/2000	2019	7320101	Báo chí	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	99.30	6.62	
4	Nguyễn Thị Phương Na	Nữ	09/07/2001	2019	7320101	Báo chí	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	95.40	6.36	
5	Trương Văn Sang	Nam	14/7/2001	2019	7320101	Báo chí	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	90.40	6.03	
6	Phạm Lê Hoài	Nam	28/9/2001	2019	7510301	CN kỹ thuật điện, điện tử	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	125.10	8.34	
7	Lê Quang Anh	Nam	25/8/2001	2019	7510301	CN kỹ thuật điện, điện tử	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	99.50	6.63	
8	Đinh Cao Tân	Nam	21/2/2001	2019	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	123.30	8.22	
9	Nguyễn Văn Khánh	Nam	24/3/1998	2016	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	112.50	7.50	
10	Trần Đình Hậu	Nam	21/3/2001	2019	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	109.20	7.28	
11	Thái Trung Thực	Nam	16/1/2001	2019	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	B00: Toán, Hóa học, Sinh học	102.90	6.86	
12	Đàm Văn Long	Nam	16/5/2001	2019	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	B00: Toán, Hóa học, Sinh học	101.00	6.73	
13	Nguyễn Đăng Cường	Nam	22/3/2001	2019	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	136.60	9.11	
14	Lê Anh Vũ	Nam	08/10/2001	2019	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	123.40	8.23	
15	Đinh Cao Tân	Nam	21/2/2001	2019	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	123.30	8.22	
16	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	20/1/2001	2019	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	102.40	6.83	
17	Phạm Đình Thành	Nam	05/11/1997	2015	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	92.60	6.17	
18	Đặng Hồng Phúc	Nam	29/7/2001	2019	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	92.60	6.17	
19	Nguyễn Văn Tâm	Nam	08/08/2001	2019	7420201	Công nghệ sinh học	B02: Toán, Sinh học, Địa lí	102.60	6.84	
20	Nguyễn Trần Hưng	Nam	10/01/2000	2019	7480201	Công nghệ thông tin	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	107.20	7.15	
21	Nguyễn Hoài Nam	Nam	07/11/1999	2017	7480201	Công nghệ thông tin	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	90.00	6.00	
22	Nguyễn Văn Dũng	Nam	15/6/2001	2019	7480201	Công nghệ thông tin	A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh	114.80	7.65	
23	Hồ Sỹ Sơn	Nam	17/11/2001	2019	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	137.30	9.15	
24	Nguyễn Đăng Mạnh	Nam	13/10/2001	2019	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	130.70	8.71	

25	Phạm Lê Hoài	Nam	28/9/2001	2019	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	125.10	8.34	
26	Nguyễn Thị Loan	Nữ	16/4/2001	2019	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	124.20	8.28	
27	Nguyễn Thị Na	Nữ	14/5/2001	2019	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	119.80	7.99	
28	Hoàng Phi Trường	Nam	28/4/2001	2019	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	117.80	7.85	
29	Lục Tất Thắng	Nam	23/2/2001	2019	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	110.10	7.34	
30	Nguyễn Dương Nam	Nam	17/12/1999	2017	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	109.80	7.32	
31	Nguyễn Nhị Thiên	Nam	19/6/2000	2018	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	109.20	7.28	
32	Nguyễn Viết Luận	Nam	23/2/2000	2018	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	105.70	7.05	
33	Nguyễn Viết Luận	Nam	23/2/2000	2018	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	105.70	7.05	
34	Đinh Duy Tân	Nam	30/10/2001	2019	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	104.00	6.93	
35	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	24/6/2000	2018	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	102.90	6.86	
36	Nguyễn Văn Tiệp	Nam	23/8/2001	2019	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	102.90	6.86	
37	Phạm Tiến Đạt	Nam	22/11/1999	2017	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	98.40	6.56	
38	Phạm Đình Thành	Nam	05/11/1997	2015	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	92.60	6.17	
39	Nguyễn Văn Ánh	Nam	22/7/1999	2017	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	90.00	6.00	
40	Trần Hậu Trường	Nam	23/8/1997	2015	7540101	Công nghệ thực phẩm	B00: Toán, Hóa học, Sinh học	102.00	6.80	
41	Nguyễn Văn Tâm	Nam	08/08/2001	2019	7540101	Công nghệ thực phẩm	B00: Toán, Hóa học, Sinh học	101.00	6.73	
42	Hồ Sỹ Sơn	Nam	17/11/2001	2019	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	137.30	9.15	
43	Trần Thị Hải Ly	Nữ	24/3/2001	2019	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	109.60	7.31	
44	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	12/03/2001	2019	7760101	Công tác xã hội	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	107.90	7.19	
45	Đinh Nữ Diễm My	Nữ	24/9/2001	2019	7760101	Công tác xã hội	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	104.90	6.99	
46	Phạm Thị Anh Thơ	Nữ	19/7/2001	2019	7720301	Điều dưỡng	D13: Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh	126.80	8.45	
47	Lê Thị Cẩm Ly	Nữ	13/8/2001	2019	7720301	Điều dưỡng	D13: Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh	120.00	8.00	
48	Nguyễn Thị Bé	Nữ	25/5/2001	2019	7720301	Điều dưỡng	D13: Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh	108.20	7.21	
49	Trần Thị Huyền	Nữ	10/11/2001	2019	7720301	Điều dưỡng	D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh	114.20	7.61	
50	Lê Thị Thanh	Nữ	29/5/2001	2019	7720301	Điều dưỡng	B00: Toán, Hóa học, Sinh học	132.90	8.86	
51	NGUYỄN THỊ THẨM	Nữ	28/11/2001	2019	7720301	Điều dưỡng	B00: Toán, Hóa học, Sinh học	116.30	7.75	
52	Trần Thị Hải Ly	Nữ	24/3/2001	2019	7720301	Điều dưỡng	B00: Toán, Hóa học, Sinh học	107.40	7.16	
53	NGUYỄN THỊ LAN	Nữ	21/3/1999	2017	7720301	Điều dưỡng	B00: Toán, Hóa học, Sinh học	106.70	7.11	
54	PHAN VĂN BÌNH	Nam	01/04/2001	2019	7810101	Du lịch	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	122.50	8.17	
55	Trần Nhật Hoàng	Nam	20/5/2001	2019	7810101	Du lịch	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	133.10	8.87	
56	Bùi Văn Nhật	Nam	09/01/2001	2019	7810101	Du lịch	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	125.20	8.35	
57	Nguyễn Thị Lê Na	Nữ	13/1/2001	2019	7810101	Du lịch	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	115.70	7.71	

58	Ngô Thị Hoài	Nữ	06/10/2001	2019	7810101	Du lịch	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	102.90	6.86	
59	Nguyễn Anh Dũng	Nam	02/09/2001	2019	7810101	Du lịch	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	100.30	6.69	
60	Nguyễn Quyết Chí	Nam	26/12/2001	2019	7810101	Du lịch	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	91.90	6.13	
61	Trương Văn Sang	Nam	14/7/2001	2019	7810101	Du lịch	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	90.40	6.03	
62	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	Nữ	12/02/2001	2019	7810101	Du lịch	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	124.80	8.32	
63	Trần Nhật Khánh Ly	Nữ	09/01/2001	2019	7340301	Kế toán	D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh	106.90	7.13	
64	Trần Thị Thành	Nữ	27/11/2001	2019	7340301	Kế toán	D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh	97.80	6.52	
65	Trần Hoài Linh	Nữ	14/6/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	125.80	8.39	
66	Nguyễn Thị Trang	Nữ	20/8/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	121.70	8.11	
67	Phạm Thị Hoài	Nữ	01/08/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	119.50	7.97	
68	Phạm Như Quỳnh	Nữ	01/01/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	117.80	7.85	
69	Doãn Thị Dương	Nữ	07/09/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	116.30	7.75	
70	Nguyễn Thị Na	Nữ	14/5/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	116.20	7.75	
71	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	Nữ	12/02/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	115.40	7.69	
72	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	12/11/2000	2018	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	113.30	7.55	
73	Hà Lê Thu	Nữ	20/1/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	112.90	7.53	
74	Trần Thị Huyền	Nữ	10/11/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	112.60	7.51	
75	Nguyễn Thị Bé	Nữ	25/5/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	112.50	7.50	
76	Dương Thị Thảo	Nữ	06/05/2000	2018	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	111.00	7.40	
77	Trương Thị Hiền	Nữ	23/3/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	110.60	7.37	
78	Ngô Trương Trà My	Nữ	29/9/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	109.20	7.28	
79	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	08/08/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	109.20	7.28	
80	Nguyễn Thị Hải Linh	Nữ	15/11/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	108.20	7.21	
81	Nguyễn Trần Hưng	Nam	10/01/2000	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	107.20	7.15	
82	Ngô Thị Thúy	Nữ	14/7/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	104.50	6.97	
83	Đặng Thị Hoa Phượng	Nữ	05/05/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	103.00	6.87	
84	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	20/7/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	102.80	6.85	
85	Hoàng Thị Cẩm Thùy	Nữ	05/08/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	99.40	6.63	
86	Hồ Kim Cúc	Nữ	25/5/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	97.00	6.47	
87	Nguyễn Thị Hồng Trang	Nữ	26/10/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	92.40	6.16	
88	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	21/6/2001	2019	7340301	Kế toán	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	91.30	6.09	
89	Nguyễn Thị Nga	Nữ	15/5/2001	2019	7340301	Kế toán	A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh	102.80	6.85	
90	Lê Thị Thanh	Nữ	29/5/2001	2019	7340301	Kế toán	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	128.80	8.59	

91	Nguyễn Thị Lê Na	Nữ	13/1/2001	2019	7340301	Kế toán	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	127.00	8.47	
92	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Nữ	10/10/2001	2019	7340301	Kế toán	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	126.90	8.46	
93	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	26/7/2001	2019	7340301	Kế toán	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	125.10	8.34	
94	Bùi Thị Thanh Na	Nữ	08/03/2001	2019	7340301	Kế toán	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	123.30	8.22	
95	Hà Thị Thủy	Nữ	27/6/2001	2019	7340301	Kế toán	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	112.40	7.49	
96	Hoàng Quỳnh Trang	Nữ	15/7/2001	2019	7340301	Kế toán	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	111.60	7.44	
97	Trần Thị Tâm	Nữ	04/09/2001	2019	7340301	Kế toán	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	109.60	7.31	
98	PHẠM THỊ NHUNG	Nữ	27/10/1998	2016	7340301	Kế toán	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	107.90	7.19	
99	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	20/1/2001	2019	7340301	Kế toán	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	102.40	6.83	
100	Hồ Sỹ Sơn	Nam	17/11/2001	2019	7480101	Khoa học máy tính	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	137.30	9.15	
101	Phan Thị Thúy Hằng	Nữ	13/5/2001	2019	7310101	Kinh tế	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	117.70	7.85	
102	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	24/2/2001	2019	7310101	Kinh tế	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	109.50	7.30	
103	Ngô Trương Trà My	Nữ	29/9/2001	2019	7310101	Kinh tế	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	109.20	7.28	
104	Nguyễn Trung Dũng	Nam	26/6/2001	2019	7310101	Kinh tế	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	131.10	8.74	
105	Lô Chí Linh	Nam	09/04/2001	2019	7310101	Kinh tế	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	122.00	8.13	
106	Nguyễn Trung Dũng	Nam	26/6/2001	2019	7620115	Kinh tế nông nghiệp	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	131.10	8.74	
107	PHAN VĂN BÌNH	Nam	01/04/2001	2019	7580301	Kinh tế xây dựng	A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh	128.10	8.54	
108	Hà Mạnh Chí	Nam	05/01/2001	2019	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	109.30	7.29	
109	Dương Hưng Nguyên	Nam	26/10/2001	2019	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh	113.50	7.57	
110	Dương Hưng Nguyên	Nam	26/10/2001	2019	7520216	Kỹ thuật điều khiển và TĐH	A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh	113.50	7.57	
111	Hồ Sỹ Sơn	Nam	17/11/2001	2019	7520216	Kỹ thuật điều khiển và TĐH	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	137.30	9.15	
112	Bùi Tuấn Thành	Nam	12/07/1998	2016	7520216	Kỹ thuật điều khiển và TĐH	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	133.20	8.88	
113	Lê Hiệp Hữu	Nam	13/6/2001	2019	7520216	Kỹ thuật điều khiển và TĐH	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	126.40	8.43	
114	Lê Quang Anh	Nam	25/8/2001	2019	7520216	Kỹ thuật điều khiển và TĐH	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	99.50	6.63	
115	Hồ Sỹ Sơn	Nam	17/11/2001	2019	7480103	Kỹ thuật phần mềm	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	137.30	9.15	
116	Phạm Lê Hoài	Nam	28/9/2001	2019	7480103	Kỹ thuật phần mềm	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	125.10	8.34	
117	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	26/7/2001	2019	7480103	Kỹ thuật phần mềm	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	125.10	8.34	
118	Đinh Cao Tân	Nam	21/2/2001	2019	7480103	Kỹ thuật phần mềm	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	123.30	8.22	
119	Bùi Tuấn Thành	Nam	12/07/1998	2016	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	133.20	8.88	
120	Đào Minh Quang	Nam	16/12/2000	2018	7380101	Luật	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	109.00	7.27	
121	Hoàng Thị Lan Anh	Nữ	01/01/2002	2018	7380101	Luật	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	106.60	7.11	
122	Đinh Duy Tân	Nam	30/10/2001	2019	7380101	Luật	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	105.90	7.06	
123	Võ Thị Hoài An	Nữ	28/8/2001	2019	7380101	Luật	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	102.20	6.81	

124	Hoàng Thị Tuyết Sương	Nữ	20/10/2001	2019	7380101	Luật	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	100.50	6.70	
125	Hoàng Thị Tuyết Sương	Nữ	20/10/2001	2019	7380101	Luật	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	100.50	6.70	
126	Đinh Nhật Linh	Nam	28/1/2001	2019	7380101	Luật	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	99.70	6.65	
127	Nguyễn Hoài Phúc	Nam	09/08/2001	2019	7380101	Luật	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	98.70	6.58	
128	Hà Văn Đạm	Nam	03/03/2000	2019	7380101	Luật	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	92.00	6.13	
129	Nguyễn Lan Anh	Nữ	04/01/2001	2019	7380107	Luật kinh tế	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	107.40	7.16	
130	Nguyễn Thị Hồng Trang	Nữ	26/10/2001	2019	7380107	Luật kinh tế	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	92.40	6.16	
131	Nguyễn Thị Phương Nhung	Nữ	09/04/2001	2019	7380107	Luật kinh tế	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	117.00	7.80	
132	Nguyễn Trọng Hùng	Nam	05/09/2001	2019	7380107	Luật kinh tế	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	110.30	7.35	
133	Đào Minh Quang	Nam	16/12/2000	2018	7380107	Luật kinh tế	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	109.00	7.27	
134	Đinh Nữ Diễm My	Nữ	24/9/2001	2019	7380107	Luật kinh tế	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	104.90	6.99	
135	Bùi Văn Hưởng	Nam	16/9/1997	2015	7380107	Luật kinh tế	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	102.20	6.81	
136	Nguyễn Hoài Phúc	Nam	09/08/2001	2019	7380107	Luật kinh tế	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	98.70	6.58	
137	Nguyễn Việt Ngọc	Nam	04/08/2001	2019	7220201	Ngôn ngữ Anh	D66: Ngữ văn, Giáo dục công dân, Anh	113.10	7.54	7.40
138	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	03/02/2001	2019	7220201	Ngôn ngữ Anh	D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	117.40	7.83	9.04
139	Ngô Trương Trà My	Nữ	29/9/2001	2019	7220201	Ngôn ngữ Anh	D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	114.80	7.65	7.98
140	Hoàng Thị Kiều	Nữ	04/07/1999	2017	7220201	Ngôn ngữ Anh	D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	109.60	7.31	7.60
141	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	20/10/2001	2019	7220201	Ngôn ngữ Anh	D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	113.50	7.57	7.36
142	Hồ Trường Giang	Nam	07/09/2000	2018	7220201	Ngôn ngữ Anh	D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	104.00	6.93	7.04
143	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	07/03/2001	2019	7220201	Ngôn ngữ Anh	D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	111.20	7.41	6.82
144	Hoàng Thị Thùy Linh	Nữ	18/3/1999	2017	7220201	Ngôn ngữ Anh	D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	112.10	7.47	6.68
145	Phan Thị Anh Nghĩa	Nữ	08/01/2001	2019	7220201	Ngôn ngữ Anh	D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	118.70	7.91	7.82
146	Đỗ Thị Thắng	Nữ	20/5/2001	2019	7220201	Ngôn ngữ Anh	D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	114.50	7.63	7.66
147	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	21/12/2001	2019	7220201	Ngôn ngữ Anh	D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	116.10	7.74	7.24
148	Nguyễn Thị Khánh	Nữ	16/1/2001	2019	7220201	Ngôn ngữ Anh	D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	110.70	7.38	6.66
149	Bá Thị Mến	Nữ	14/3/2001	2019	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	115.90	7.73	8.46
150	Nguyễn Thị Liệu	Nữ	16/1/2001	2019	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	129.50	8.63	8.40
151	Trần Hoài Linh	Nữ	14/6/2001	2019	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	125.80	8.39	8.30
152	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	27/11/2002	2019	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	117.10	7.81	8.02
153	Lê Hoàng Khánh Huyền	Nữ	23/10/2001	2019	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	117.40	7.83	7.98
154	Hoàng Quỳnh Trang	Nữ	15/7/2001	2019	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	109.00	7.27	7.60
155	Trần Nhật Khánh Ly	Nữ	09/01/2001	2019	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	105.20	7.01	7.48
156	Trần Thị Phương Thanh	Nam	14/2/2000	2018	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	104.90	6.99	7.44

157	Nguyễn Thị Thúy Hiền	Nữ	03/06/2001	2019	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	104.50	6.97	6.84
158	Bùi Linh Chi	Nữ	01/06/2001	2019	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	101.00	6.73	6.78
159	Nguyễn Phương Linh	Nữ	03/08/2001	2019	7620301	Nuôi trồng thủy sản	B00: Toán, Hóa học, Sinh học	121.80	8.12	
160	Nguyễn Văn Tâm	Nam	08/08/2001	2019	7620301	Nuôi trồng thủy sản	B00: Toán, Hóa học, Sinh học	101.00	6.73	
161	Phạm Công Hoạt	Nam	14/8/1999	2017	7620301	Nuôi trồng thủy sản	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	128.50	8.57	
162	Nguyễn Đình Vinh Quy	Nam	09/04/2001	2019	7620301	Nuôi trồng thủy sản	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	106.20	7.08	
163	Lê Thị Cẩm Ly	Nữ	13/8/2001	2019	7140114	Quản lý giáo dục	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	123.20	8.21	
164	Lê Thị Quỳnh	Nam	01/01/2001	2019	7140114	Quản lý giáo dục	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	91.00	6.07	
165	Vy Thị Kim Dung	Nữ	29/1/2001	2019	7140114	Quản lý giáo dục	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	108.40	7.23	
166	Nguyễn Thị Khánh	Nữ	16/1/2001	2019	7140114	Quản lý giáo dục	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	118.10	7.87	
167	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	Nam	02/10/1999	2017	7140114	Quản lý giáo dục	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	113.50	7.57	
168	Nguyễn Thị Trang Linh	Nữ	20/11/2000	2018	7140114	Quản lý giáo dục	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	101.90	6.79	
169	Nguyễn Thị Thảo	Nam	19/3/2001	2019	7140114	Quản lý giáo dục	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	95.80	6.39	
170	Lê Thị Quỳnh	Nữ	01/01/2001	2019	7140114	Quản lý giáo dục	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	90.70	6.05	
171	Vy Thị Kim Dung	Nữ	29/1/2001	2019	7310205	Quản lý nhà nước	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	108.40	7.23	
172	Vàng A Sáng	Nam	20/6/1994	2013	7310205	Quản lý nhà nước	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	90.90	6.06	
173	Điền Thị Thu Phương	Nữ	22/4/2001	2019	7850101	Quản lý tài nguyên và MT	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	98.20	6.55	
174	CAO VĂN SAO	Nam	20/2/2001	2019	7229042	Quản lý văn hóa	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	100.80	6.72	
175	Phan Thị Thúy Hằng	Nữ	13/5/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	117.70	7.85	
176	Doãn Thị Dương	Nữ	07/09/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	116.30	7.75	
177	Nguyễn Thị Thương	Nữ	21/4/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	113.50	7.57	
178	PHẠM THỊ HIỀN	Nữ	30/11/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	112.00	7.47	
179	Trương Thị Ngân	Nữ	02/08/2000	2018	7340101	Quản trị kinh doanh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	110.90	7.39	
180	Ngô Trương Trà My	Nữ	29/9/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	109.20	7.28	
181	BACH THI LAN ANH	Nữ	02/01/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	107.40	7.16	
182	Hoàng Minh Hạnh	Nam	25/5/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	99.20	6.61	
183	Trần Huy Hoàng	Nam	01/06/2000	2018	7340101	Quản trị kinh doanh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	97.30	6.49	
184	Trần Thị Thành	Nữ	27/11/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	96.10	6.41	
185	Nguyễn Bá Mạnh	Nam	24/6/1999	2018	7340101	Quản trị kinh doanh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	95.20	6.35	
186	Nguyễn Thị Hồng Trang	Nữ	26/10/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	92.40	6.16	
187	Nguyễn Trung Dũng	Nam	26/6/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	131.10	8.74	
188	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	26/7/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	125.10	8.34	
189	Lê Tiến Dũng	Nam	20/6/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	123.10	8.21	

190	VÕ ANH QUÂN	Nam	07/01/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	122.90	8.19	
191	Hoàng Phi Trường	Nam	28/4/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	117.80	7.85	
192	Hoàng Phi Trường	Nam	28/4/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	117.80	7.85	
193	Phạm Thị Vân Nhi	Nữ	26/12/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	117.10	7.81	
194	Lê Quý Đôn	Nam	27/11/2000	2018	7340101	Quản trị kinh doanh	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	112.70	7.51	
195	Nguyễn Văn Đức	Nam	26/7/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	111.40	7.43	
196	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nữ	08/11/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	104.10	6.94	
197	Đinh Duy Tân	Nam	30/10/2001	2019	7340101	Quản trị kinh doanh	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	104.00	6.93	
198	Phạm Đình Thành	Nam	05/11/1997	2015	7340101	Quản trị kinh doanh	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	92.60	6.17	
199	Phạm Trần Khánh Duyên	Nữ	14/12/2001	2019	7340201	Tài chính ngân hàng	D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh	106.10	7.07	
200	Trần Hoài Linh	Nữ	14/6/2001	2019	7340201	Tài chính ngân hàng	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	125.80	8.39	
201	Ngô Trương Trà My	Nữ	29/9/2001	2019	7340201	Tài chính ngân hàng	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	109.20	7.28	
202	Nguyễn Duy Mạnh	Nam	25/10/2000	2018	7340201	Tài chính ngân hàng	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	105.10	7.01	
203	Nguyễn Trung Dũng	Nam	26/6/2001	2019	7340201	Tài chính ngân hàng	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	131.10	8.74	
204	Phạm Đình Thành	Nam	05/11/1997	2015	7340201	Tài chính ngân hàng	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	92.60	6.17	
205	Nguyễn Đức Tiến	Nam	09/09/2002	2019	7340122	Thương mại điện tử	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	98.70	6.58	
206	Nguyễn Trung Dũng	Nam	26/6/2001	2019	7340122	Thương mại điện tử	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	131.10	8.74	
207	HOÀNG THỊ TRANG	Nữ	12/03/2000	2018	7310630	Việt Nam học	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	110.20	7.35	
208	Ngô Thị Hoài	Nữ	06/10/2001	2019	7310630	Việt Nam học	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	102.90	6.86	
209	Sử Thị Ly	Nữ	04/04/2001	2019	7310630	Việt Nam học	A00: Toán, Vật lí, Hóa học	120.60	8.04	

Danh sách có 209 thí sinh


PHỤ TRƯỞNG
GS.TS. Nguyễn Huy Bằng
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Thứ tư, ngày 27 tháng 1 năm 2021



🏠 > (/) Tin tức tuyển sinh > (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh>) Đại học chính quy > (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy>)

📅 08:55 05/10/2020

Thông báo Điểm trúng tuyển đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2020

Trường Đại học Vinh thông báo điểm trúng tuyển đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2020. Điểm chuẩn này đã bao gồm điểm ưu tiên, điểm khu vực theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Xem File đính kèm! (/DATA/71/upload/654/documents/2020/10/20201005_2.pdf)

(/DATA/71/upload/654/documents/2020/10/20201005_2.pdf) Thí sinh đạt điểm chuẩn lưu ý: Kể từ thời điểm ra thông báo đến trước 17 giờ 00' ngày 10/10/2020, thí sinh phải gửi qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp **Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT** về Trường Đại học Vinh (qua Phòng Đào tạo; Địa chỉ: Tầng 1, Nhà Điều hành - Số 182, đường Lê Duẩn, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0238.8988989) để xác nhận nhập học.

TIN TỨC LIÊN QUAN

Thông báo tuyển sinh đào tạo văn bằng 2 hệ chính quy năm 2021 - (13:40 25/01/2021)

(<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/seo/thong-bao-tuyen-sinh-dao-cao-van-bang-2-he-chinh-quy-nam-2021-100853>)

Đồng đảo học sinh tham dự Chương trình Tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp năm 2021 - (10:19 11/01/2021)

(<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/seo/dong-dao-hoc-sinh-tham-du-chuong-trinh-tu-van-tuyen-sinh-huong-nghiep-nam-2021-100631>)

Thông báo Điểm trúng tuyển đại học hệ chính quy đợt 2 năm 2020 - (11:00 27/10/2020)

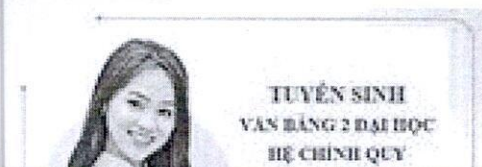
(<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/seo/thong-bao-diem-trung-tuyen-dai-hoc-he-chinh-quy-dot-2-nam-2020-99538>)

Thông báo xét tuyển bổ sung (Đợt 2) vào đại học hệ chính quy năm 2020 bằng điểm thi tốt nghiệp THPT - (18:04 15/10/2020) (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/seo/thong-bao-xet-tuyen-bo-sung-dot-2-vao-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2020-bang-diem-thi-tot-nghiep-thpt-99381>)

Lịch nhập học và hướng dẫn nhập học cho sinh viên chính quy khoá 61 nhập học năm 2020 - (14:31 1/10/2020) (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/seo/lich-nhap-hoc-va-huong-dan-nhap-hoc-cho-sinh-vien-chinh-quy-khoa-61-nhap-hoc-nam-2020-99289>)

Thông báo tra cứu danh sách trúng tuyển đại học chính quy năm 2020 - (17:21 06/10/2020)

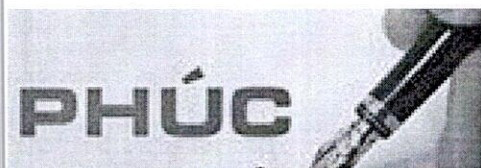
(<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/seo/thong-bao-tra-cuu-danh-sach-trung-tuyen-dai-hoc-chinh-quy-nam-2020-99263>)

MỚI CẬP NHẬT

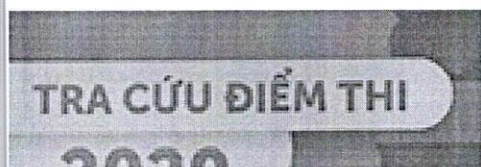
Thông báo tuyển sinh đào tạo văn bằng 2 hệ chính quy năm 2021 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/se/thong-bao-tuyen-sinh-dao-tao-van-bang-2-he-chinh-quy-nam-2021-100853>)



Đông đảo học sinh tham dự Chương trình Tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp năm 2021 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/se/dong-dao-hoc-sinh-tham-du-chuong-trinh-tu-van-tuyen-sinh-huong-nghiep-nam-2021-100631>)



Thông báo phúc khảo kỳ thi tuyển sinh đào tạo thạc sĩ đợt 2 năm 2020 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/se/thong-bao-phuc-khao-ky-thi-tuyen-sinh-dao-tao-thac-si-dot-2-nam-2020-100490>)



Thông báo tra cứu điểm thi tuyển sinh cao học thạc sĩ đợt 2 năm 2020 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/se/thong-bao-tra-cuu-diem-thi-tuyen-sinh-cao-hoc-thac-si-dot-2-nam-2020-100456>)

Thông báo tuyển sinh đào tạo văn bằng 2 hệ chính quy năm 2021 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/se/thong-bao-tuyen-sinh-dao-tao-van-bang-2-he-chinh-quy-nam-2021-100853>)

Đông đảo học sinh tham dự Chương trình Tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp năm 2021 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/se/dong-dao-hoc-sinh-tham-du-chuong-trinh-tu-van-tuyen-sinh-huong-nghiep-nam-2021-100631>)

Thông báo phúc khảo kỳ thi tuyển sinh đào tạo thạc sĩ đợt 2 năm 2020 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/se/thong-bao-phuc-khao-ky-thi-tuyen-sinh-dao-tao-thac-si-dot-2-nam-2020-100490>)

Thông báo tra cứu điểm thi tuyển sinh cao học thạc sĩ đợt 2 năm 2020 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/se/thong-bao-tra-cuu-diem-thi-tuyen-sinh-cao-hoc-thac-si-dot-2-nam-2020-100456>)

Thông báo Kết quả thi và Điểm chuẩn Kỳ thi tuyển sinh Sau đại học đợt 2 năm 2020 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/se/thong-bao-ket-qua-thi-va-diem-chuan-ky-thi-tuyen-sinh-sau-dai-hoc-dot-2-nam-2020-100447>)

VIDEO AUDIO



PHÒNG ĐÀO TẠO SDH

[\(http://phongdaotaosdh.vinhuni.edu.vn/\)](http://phongdaotaosdh.vinhuni.edu.vn/)

PHÒNG ĐÀO TẠO

[\(http://phongdaotao.vinhuni.edu.vn/\)](http://phongdaotao.vinhuni.edu.vn/)

TRUNG TÂM GDTX

[\(http://trungtamgdtx.vinhuni.edu.vn/\)](http://trungtamgdtx.vinhuni.edu.vn/)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN

[\(http://truongthptchuyen.vinhuni.edu.vn/\)](http://truongthptchuyen.vinhuni.edu.vn/)

TRƯỜNG THỰC HÀNH SP

[\(http://truongptthsp.vinhuni.edu.vn/\)](http://truongptthsp.vinhuni.edu.vn/)

HỎI ĐÁP

[\(hoi-dap\)](#)**THƯ VIỆN ẢNH (/THU-VIEN-ANH)**

Đơn vị liên kết

© 2015 Bản quyền của Trường Đại học Vinh

Địa chỉ: 182 Lê Duẩn - Thành Phố Vinh - tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (0238)3855452 - Fax: (0238)3855269 - Email: vinhuni@vinhuni.edu.vn

Chịu trách nhiệm nội dung: GS.TS. Nguyễn Huy Bằng - Hiệu trưởng

Ghi rõ nguồn "Cổng TT Đại học Vinh" khi sử dụng lại nội dung trên cổng thông tin.

[Liên hệ \(/lien-he\)](#)[Sitemap \(/sitemap.xml\)](#)[RSS \(/feeds.aspx\)](#)

THÔNG BÁO

Chỉ tiêu và điểm ngưỡng xét tuyển đại học hệ chính quy các ngành đào tạo Giáo viên và ngành Điều dưỡng năm 2020

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Căn cứ Quyết định số 2669/QĐ-BGDĐT và Quyết định số 2670/QĐ-BGDĐT ngày 17/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đối với các ngành đào tạo giáo viên và nhóm ngành sức khỏe; Căn cứ Đề án số 206/ĐA-ĐHV ngày 19/5/2020 của Trường Đại học Vinh về tuyển sinh đại học chính quy năm 2020, Trường Đại học Vinh thông báo chỉ tiêu và điểm ngưỡng xét tuyển đại học chính quy đợt 1 năm 2020 các ngành đào tạo giáo viên và ngành điều dưỡng như sau. Điểm ngưỡng xét tuyển đã bao gồm điểm ưu tiên, điểm khu vực.

TT	Tên ngành	Mã ngành	Điểm ngưỡng đăng ký xét tuyển	Chỉ tiêu		Mã tổ hợp môn xét tuyển				Ghi chú
				Xét KQ thi THPT	Phương thức khác	Tổ hợp 1	Tổ hợp 2	Tổ hợp 3	Tổ hợp 4	
1	Giáo dục Chính trị	7140205	18.50	25		C00	D01	C19	C20	
2	Giáo dục QP-AN	7140208	18.50	30		C00	D01	A00	C19	
3	Giáo dục Mầm non	7140201	18.50 (chưa nhân hệ số)	150		M00	M01	M10	M13	Khi xét tuyển môn Năng khiếu nhân hệ số 2; điểm môn văn hóa + 2/3 điểm ưu tiên từ 12.33 điểm trở lên Tổng 3 môn + điểm ưu tiên từ 18.50 trở lên.
4	Giáo dục Thể chất	7140206	17.50 (chưa nhân hệ số)	15	15	T00	T01	T02	T05	Khi xét tuyển môn Năng khiếu nhân hệ số 2; điểm môn văn hóa + 2/3 điểm ưu tiên từ 11.66 điểm trở lên Tổng 3 môn + điểm ưu tiên từ 17.50 trở lên.

5	Giáo dục Tiểu học	7140202	18.50	160		C00	D01	A00	C20	
6	Sư phạm Địa lý	7140219	18.50	30		C00	C04	C20	D01	
7	Sư phạm Hóa học	7140212	18.50	45		A00	A01	B00	D07	
8	Sư phạm Lịch sử	7140218	18.50	30		C00	C03	C19	D01	
9	Sư phạm Ngữ văn	7140217	18.50	60		C00	D01	C19	C20	
10	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	18.50 (chưa nhân hệ số)	80		D01	D14	D15	D66	Khi xét tuyển môn Tiếng Anh nhân hệ số 2: Tổng môn + điểm ưu tiên từ 18 điểm trở lên.
11	Sư phạm Tin học	7140210	18.50	30		A00	A01	D01	D07	
12	Sư phạm Toán học	7140209	18.50	80		A00	A01	B00	D01	
13	Sư phạm Sinh học	7140213	18.50	30		A00	A01	B00	B08	
14	Sư phạm Vật lý	7140211	18.50	30		A00	A01	B00	A10	
15	Điều dưỡng	7720301	19.00	100	50	B00	B08	D07	D13	
TỔNG				895	65					

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Các trường THPT;
- Các cơ quan truyền thông, báo chí;
- Các đơn vị trong Trường;
- BBT website, iOffice;
- Lưu: HCTH, DT.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Trần Bá Tiến

Thứ tư, ngày 27 tháng 1 năm 2021



🏠 > (/) Tin tức tuyển sinh > (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh>) Đại học chính quy > (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy>)

📅 17:21 06/10/2020

Thông báo tra cứu danh sách trúng tuyển đại học chính quy năm 2020

Trường Đại học Vinh công bố danh sách trúng tuyển đại học chính quy năm 2020 xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2020.

Thí sinh và phụ huynh có thể vào Website, mục Thông báo điểm hoặc truy cập: <http://diemthi.vinhuni.edu.vn/> (<http://diemthi.vinhuni.edu.vn/>)

- Bấm chọn: **MỜI CHỌN DANH SÁCH TRA CỨU**
- Bấm chọn: **DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐHCQ NĂM 2020**
- Nhập Số báo danh hoặc Số CMND tại ô: **Tìm theo SBD hoặc CMND**
- Bấm chọn: **Tìm**

TIN TỨC LIÊN QUAN

Thông báo tuyển sinh đào tạo văn bằng 2 hệ chính quy năm 2021 - (13:40 25/01/2021)
(<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/seo/thong-bao-tuyen-sinh-dao-tao-van-bang-2-he-chinh-quy-nam-2021-100853>)

Đông đảo học sinh tham dự Chương trình Tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp năm 2021 - (10:19 11/01/2021)
(<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/seo/dong-dao-hoc-sinh-tham-du-chuong-trinh-tu-van-tuyen-sinh-huong-nghiep-nam-2021-100631>)

Thông báo Điểm trúng tuyển đại học hệ chính quy đợt 2 năm 2020 - (11:00 27/10/2020)
(<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/seo/thong-bao-diem-trung-tuyen-dai-hoc-he-chinh-quy-dot-2-nam-2020-99538>)

Thông báo xét tuyển bổ sung (Đợt 2) vào đại học hệ chính quy năm 2020 bằng điểm thi tốt nghiệp THPT - (18:04 15/10/2020) (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/seo/thong-bao-xet-tuyen-bo-sung-dot-2-vao-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2020-bang-diem-thi-tot-nghiep-thpt-99381>)

Lịch nhập học và hướng dẫn nhập học cho sinh viên chính quy khoá 61 nhập học năm 2020 - (14:31 08/10/2020) (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/seo/lich-nhap-hoc-va-huong-dan-nhap-hoc-cho-sinh-vien-chinh-quy-khoa-61-nhap-hoc-nam-2020-99289>)

Thông báo đăng ký xét tuyển vào đại học hệ chính quy năm 2020 bằng kết quả học tập THPT (Đợt 2) - (17:13 05/10/2020) (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/seo/thong-bao-dang-ky-xet-tuyen-vao-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2020-bang-ket-qua-hoc-tap-thpt-dot-2-99261>)

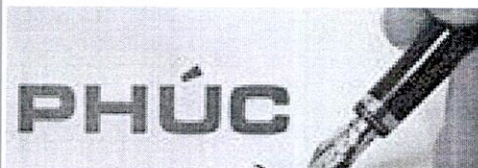
MỚI CẬP NHẬT



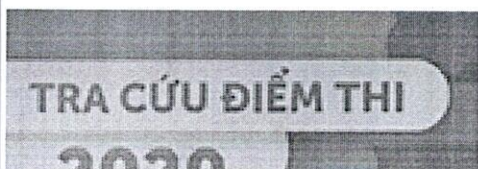
Thông báo tuyển sinh đào tạo văn bằng 2 hệ chính quy năm 2021 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/seo/thong-bao-tuyen-sinh-dao-tao-van-bang-2-he-chinh-quy-nam-2021-100853>)



Đông đảo học sinh tham dự Chương trình Tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp năm 2021 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/seo/dong-dao-hoc-sinh-tham-du-chuong-trinh-tu-van-tuyen-sinh-huong-nghep-nam-2021-100631>)



Thông báo phúc khảo kỳ thi tuyển sinh đào tạo thạc sĩ đợt 2 năm 2020 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/seo/thong-bao-phuc-khao-ky-thi-tuyen-sinh-dao-tao-thac-si-dot-2-nam-2020-100490>)



Thông báo tra cứu điểm thi tuyển sinh cao học thạc sĩ đợt 2 năm 2020 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/seo/thong-bao-tra-cuu-diem-thi-tuyen-sinh-cao-hoc-thac-si-dot-2-nam-2020-100456>)

Thông báo tuyển sinh đào tạo văn bằng 2 hệ chính quy năm 2021 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/seo/thong-bao-tuyen-sinh-dao-tao-van-bang-2-he-chinh-quy-nam-2021-100853>)

Đông đảo học sinh tham dự Chương trình Tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp năm 2021 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/seo/dong-dao-hoc-sinh-tham-du-chuong-trinh-tu-van-tuyen-sinh-huong-nghep-nam-2021-100631>)

Thông báo phúc khảo kỳ thi tuyển sinh đào tạo thạc sĩ đợt 2 năm 2020 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/seo/thong-bao-phuc-khao-ky-thi-tuyen-sinh-dao-tao-thac-si-dot-2-nam-2020-100490>)

Thông báo tra cứu điểm thi tuyển sinh cao học thạc sĩ đợt 2 năm 2020 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/seo/thong-bao-tra-cuu-diem-thi-tuyen-sinh-cao-hoc-thac-si-dot-2-nam-2020-100456>)

Thông báo Kết quả thi và Điểm chuẩn Kỳ thi tuyển sinh Sau đại học đợt 2 năm 2020 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/seo/thong-bao-ket-qua-thi-va-diem-chuan-ky-thi-tuyen-sinh-sau-dai-hoc-dot-2-nam-2020-100447>)

VIDEO AUDIO



PHÒNG ĐÀO TẠO SDH

[\(http://phongdaotaosdh.vinhuni.edu.vn/\)](http://phongdaotaosdh.vinhuni.edu.vn/)

PHÒNG ĐÀO TẠO

[\(http://phongdaotao.vinhuni.edu.vn/\)](http://phongdaotao.vinhuni.edu.vn/)

TRUNG TÂM GDTX

[\(http://trungtamgdtx.vinhuni.edu.vn/\)](http://trungtamgdtx.vinhuni.edu.vn/)

TRƯỜNG THPT CHUYÊN

[\(http://truongthptchuyen.vinhuni.edu.vn/\)](http://truongthptchuyen.vinhuni.edu.vn/)

TRƯỜNG THỰC HÀNH SP

[\(http://truongptthsp.vinhuni.edu.vn/\)](http://truongptthsp.vinhuni.edu.vn/)

HỎI ĐÁP

[\(hoi-dap\)](#)**THƯ VIỆN ẢNH (/THU-VIEN-ANH)**

Đơn vị liên kết

© 2015 Bản quyền của Trường Đại học Vinh

Địa chỉ: 182 Lê Duẩn - Thành Phố Vinh - tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (0238)3855452 - Fax: (0238)3855269 - Email: vinhuni@vinhuni.edu.vn

Chịu trách nhiệm nội dung: GS.TS. Nguyễn Huy Bằng - Hiệu trưởng

Ghi rõ nguồn "Cổng TT Đại học Vinh" khi sử dụng lại nội dung trên cổng thông tin.

[Liên hệ \(/lien-he\)](#)[Sitemap \(/sitemap.xml\)](#)[RSS \(/feeds.aspx\)](#)

Thứ tư, ngày 27 tháng 1 năm 2021



🏠 > (/) Tin tức tuyển sinh > (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh>) Sau đại học > (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc>)

📅 18:11 25/12/2020

Thông báo Kết quả thi và Điểm chuẩn Kỳ thi tuyển sinh Sau đại học đợt 2 năm 2020

1. Kết quả tuyển sinh: Thí sinh đăng nhập đường link: <http://diemthi.vinhuni.edu.vn/> (<http://diemthi.vinhuni.edu.vn/>), chọn Mục cần tra cứu, nhập **Số báo danh** để xem kết quả thi

2. Điểm chuẩn:

Điều kiện trúng tuyển:

- Thí sinh phải đạt điểm chuẩn và đạt điểm 5.0 trở lên đối với từng môn thi (môn cơ bản, môn cơ sở và môn ngoại ngữ sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).
- Điểm chuẩn trúng tuyển theo chuyên ngành là tổng điểm của môn cơ bản và môn cơ sở, cụ thể:

TT	Chuyên ngành	Điểm trúng tuyển
1	Chính trị học	11.00
2	Công nghệ thông tin	10.50
3	Đại số và lý thuyết số	11.50
4	Địa lý học	13.00
5	Động vật học	15.00
6	Giáo dục học (bậc Mầm non)	13.00
7	Giáo dục học (bậc Tiểu học)	11.50
8	Giáo dục thể chất	15.00
9	Hóa hữu cơ	14.00
10	Khoa học cây trồng	10.50
11	Kinh tế chính trị	12.75
12	Kỹ thuật xây dựng	14.50

13	Lịch sử thế giới	11.75
14	Lịch sử Việt Nam	13.25
15	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	11.50
16	Lý luận và PPDH bộ môn GDCT	10.50
17	Lý luận và PPDH bộ môn Hóa học	12.75
18	Lý luận và PPDH bộ môn Ngữ văn	12.00
19	Lý luận và PPDH bộ môn Tiếng Anh	10.50
20	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	11.50
21	Lý luận và PPDH bộ môn Vật lý	11.50
22	Lý luận và PPDH bộ môn Sinh học	13.75
23	Lý luận văn học	13.00
24	Ngôn ngữ Việt Nam	13.00
25	Quản lý Giáo dục	12.00
26	Quản lý kinh tế	12.00
27	Quản trị kinh doanh	12.00
28	Quang học	10.50
29	Sinh học thực nghiệm	14.75
30	Thực vật học	15.00
31	Toán Giải tích	11.25
32	Văn học Việt Nam	12.50

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**TIN TỨC LIÊN QUAN**

Thông báo phúc khảo kỳ thi tuyển sinh đào tạo thạc sĩ đợt 2 năm 2020 - (14:17 28/12/2020)
<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/seo/thong-bao-phuc-khao-ky-thi-tuyen-sinh-dao-tao-thac-si-dot-2-nam-2020-100490>)

Thông báo tra cứu điểm thi tuyển sinh cao học thạc sĩ đợt 2 năm 2020 - (18:11 25/12/2020)
<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/seo/thong-bao-tra-cuu-diem-thi-tuyen-sinh-cao-hoc-thac-si-dot-2-nam-2020-100456>)

Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2020 - (17:01 16/10/2020)
<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/seo/thong-bao-tuyen-sinh-dao-tao-trinh-do-tien-si-dot-2-nam-2020-99401>)

Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2, năm 2020 - (14:45 15/10/2020)
<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/seo/thong-bao-tuyen-sinh-dao-tao-trinh-do-thac-si-dot-2-nam-2020-99378>)

Thông báo điểm chuẩn trúng tuyển cao học thạc sĩ đợt 1 năm 2020 - (10:33 07/08/2020)

(<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/se/thong-bao-diem-chuan-trung-tuyen-cao-hoc-thac-si-dot-1-nam-2020-98519>)

Thông báo tra cứu điểm thi tuyển sinh cao học thạc sĩ đợt 1 năm 2020 - (14:41 06/08/2020)

(<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/se/thong-bao-tra-cuu-diem-thi-tuyen-sinh-cao-hoc-thac-si-dot-1-nam-2020-98501>)

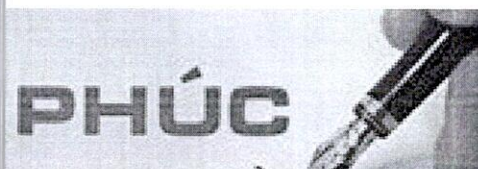
MỚI CẬP NHẬT



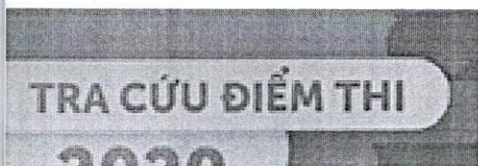
Thông báo tuyển sinh đào tạo văn bằng 2 hệ chính quy năm 2021 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/se/thong-bao-tuyen-sinh-dao-tao-van-bang-2-he-chinh-quy-nam-2021-100853>)



Đông đảo học sinh tham dự Chương trình Tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp năm 2021 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/se/dong-dao-hoc-sinh-tham-du-chuong-trinh-tu-van-tuyen-sinh-huong-nghep-nam-2021-100631>)



Thông báo phúc khảo kỳ thi tuyển sinh đào tạo thạc sĩ đợt 2 năm 2020 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/se/thong-bao-phuc-khao-ky-thi-tuyen-sinh-dao-tao-thac-si-dot-2-nam-2020-100490>)



Thông báo tra cứu điểm thi tuyển sinh cao học thạc sĩ đợt 2 năm 2020 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/se/thong-bao-tra-cuu-diem-thi-tuyen-sinh-cao-hoc-thac-si-dot-2-nam-2020-100456>)

Thông báo tuyển sinh đào tạo văn bằng 2 hệ chính quy năm 2021 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/se/thong-bao-tuyen-sinh-dao-tao-van-bang-2-he-chinh-quy-nam-2021-100853>)

Đông đảo học sinh tham dự Chương trình Tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp năm 2021 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/se/dong-dao-hoc-sinh-tham-du-chuong-trinh-tu-van-tuyen-sinh-huong-nghep-nam-2021-100631>)

Thông báo phúc khảo kỳ thi tuyển sinh đào tạo thạc sĩ đợt 2 năm 2020 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/se/thong-bao-phuc-khao-ky-thi-tuyen-sinh-dao-tao-thac-si-dot-2-nam-2020-100490>)

Thông báo tra cứu điểm thi tuyển sinh cao học thạc sĩ đợt 2 năm 2020 (<http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/se/thong-bao-tra-cuu-diem-thi-tuyen-sinh-cao-hoc-thac-si-dot-2-nam-2020-100456>)

Thông báo Kết quả thi và Điểm chuẩn Kỳ thi tuyển sinh Sau đại học đợt 2 năm 2020

[/http://tuvensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/seo/thong-bao-ket-qua-thi-va-diem-chuan-](http://tuvensinh.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-tuyen-sinh/sau-dai-hoc/seo/thong-bao-ket-qua-thi-va-diem-chuan-)**VIDEO AUDIO****PHÒNG ĐÀO TẠO SDH**[\(http://phongdaotaosdh.vinhuni.edu.vn/\)](http://phongdaotaosdh.vinhuni.edu.vn/)**PHÒNG ĐÀO TẠO**[\(http://phongdaotao.vinhuni.edu.vn/\)](http://phongdaotao.vinhuni.edu.vn/)**TRUNG TÂM GDTX**[\(http://trungtamgdtx.vinhuni.edu.vn/\)](http://trungtamgdtx.vinhuni.edu.vn/)**TRƯỜNG THPT CHUYÊN**[\(http://truongthptchuyen.vinhuni.edu.vn/\)](http://truongthptchuyen.vinhuni.edu.vn/)**TRƯỜNG THỰC HÀNH SP**[\(http://truongptthsp.vinhuni.edu.vn/\)](http://truongptthsp.vinhuni.edu.vn/)**HỎI ĐÁP**[\(hoi-dap\)](#)**THƯ VIỆN ẢNH (/THU-VIEN-ANH)**

Đơn vị liên kết

© 2015 Bản quyền của Trường Đại học Vinh

Địa chỉ: 182 Lê Duẩn - Thành Phố Vinh - tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (0238)3855452 - Fax: (0238)3855269 - Email: vinhuni@vinhuni.edu.vn

Chỉ định trách nhiệm nội dung: GS.TS. Nguyễn Huy Bằng - Hiệu trưởng

Ghi rõ nguồn "Cổng TT Đại học Vinh" khi sử dụng lại nội dung trên cổng thông tin.

[Liên hệ \(/lien-he\)](#)[Sitemap \(/sitemap.xml\)](#)[RSS \(/feeds.aspx\)](#)

